

TÁC ĐỘNG CỦA BASEL III ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Impact of Basel III on the operations of Vietnamese Commercial Banks

Đoàn Thị Hồng¹ và Lâm Thị Hồng²

¹ Phó hiệu trưởng - Trường khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế Trường Đại học KTCN Long An
doan.hong@daihoclongan.edu.vn

² Phó Trưởng khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế Trường Đại học KTCN Long An
lam.hong@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Basel III là bộ tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro ngân hàng được áp dụng rộng rãi trên toàn cầu nhằm tăng cường tính ổn định của hệ thống tài chính. Tại Việt Nam, việc triển khai Basel III đang tạo ra những tác động sâu rộng đến hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM). Nghiên cứu này phân tích toàn diện những thay đổi trong hoạt động của các NHTM Việt Nam khi áp dụng Basel III, đồng thời đề xuất các giải pháp thực thi hiệu quả.

Abstract — Basel III is an international standard for bank risk management widely adopted globally to enhance financial system stability. In Vietnam, Basel III implementation is creating profound impacts on commercial banks' operations. This study comprehensively analyzes the changes in Vietnamese commercial banks' operations under Basel III implementation while proposing effective execution solutions.

Từ khóa — Basel III, ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro, vốn, thanh khoản.

1. Giới thiệu

Basel III ra đời trong bối cảnh hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, được Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (BCBS) ban hành năm 2010. Đây là bộ tiêu chuẩn nâng cao yêu cầu về vốn và thanh khoản đối với các ngân hàng, nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc tài chính. Tại Việt Nam, theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN, các NHTM được yêu cầu triển khai Basel III từ năm 2020. Tính đến cuối năm 2023, 10 NHTM đã hoàn thành việc áp dụng Basel III, chiếm 20% tổng tài sản toàn hệ thống.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về Basel III

Basel III là một bộ tiêu chuẩn toàn diện về quản trị rủi ro ngân hàng, được Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (BCBS) ban hành năm 2010 nhằm khắc phục những hạn chế của Basel I và II đã bộc lộ trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008.

Basel III được xây dựng dựa trên ba trụ cột chính với những cải tiến quan trọng so với các phiên bản trước. Trụ cột thứ nhất -

Yêu cầu vốn tối thiểu được tăng cường đáng kể với việc nâng cao cả về số lượng và chất lượng vốn. Cụ thể, tỷ lệ vốn cấp 1 (Tier 1) tối thiểu tăng từ 4% lên 6%, trong khi tỷ lệ an toàn vốn (CAR) vẫn duy trì ở mức tối thiểu 8%. Đặc biệt, Basel III bổ sung thêm yêu cầu về đệm bảo tồn vốn 2.5% và đệm chống chu kỳ từ 0-2.5%, nâng tổng yêu cầu vốn tối thiểu lên 10.5-13%. Trụ cột thứ hai - Quy trình giám sát được mở rộng với việc tăng cường quản lý rủi ro và quy trình giám sát.

Basel III yêu cầu các ngân hàng phải xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện, bao gồm cả rủi ro thanh khoản và rủi ro tập trung. Đồng thời, các ngân hàng phải thực hiện các bài kiểm tra sức chịu đựng (stress test) định kỳ để đánh giá khả năng chống chịu trước các kịch bản bất lợi. Trụ cột thứ ba - Kỷ luật thị trường đặt ra các yêu cầu cao hơn về tính minh bạch và công bố thông tin. Các ngân hàng phải công bố chi tiết về cơ cấu vốn, phương pháp tính toán tỷ lệ an toàn vốn và các chỉ số thanh khoản quan trọng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp giữa phân tích định lượng và định tính như: Thu thập và

phân tích dữ liệu từ báo cáo tài chính của 20 NHTM lớn nhất Việt Nam giai đoạn 2020-2023, phân tích các chỉ số tài chính quan trọng như CAR, ROE, ROA, NIM. Đánh giá tương quan giữa việc áp dụng Basel III và hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Nghiên cứu tài liệu thứ cấp bao gồm: Các văn bản pháp lý của NHNN về triển khai Basel III. Báo cáo thường niên của các NHTM giai đoạn 2020-2023. Nghiên cứu trong nước về tác động của Basel III. Các nghiên cứu quốc tế về kinh nghiệm triển khai Basel III và các bài báo khoa học và chuyên ngành về quản trị rủi ro ngân hàng

Phạm vi nghiên cứu:

- Thời gian: Giai đoạn 2020-2023
- Không gian: Các NHTM tại Việt Nam
- Nội dung: Tập trung vào ba khía cạnh chính:
 - o Tác động đến cơ cấu vốn và thanh khoản
 - o Tác động đến hoạt động tín dụng
 - o Tác động đến quản trị rủi ro

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tác động đến cơ cấu vốn và thanh khoản

Việc triển khai Basel III trong giai đoạn 2020-2023 đã tạo ra những biến chuyển quan trọng trong cơ cấu vốn và thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Điều này được thể hiện rõ nét thông qua ba khía cạnh chính: tăng trưởng vốn, cải thiện chất lượng vốn và tăng cường năng lực thanh khoản. Về mặt tăng trưởng vốn, hệ thống ngân hàng đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về vốn điều lệ từ 570.000 tỷ đồng năm 2020 lên 800.000 tỷ đồng vào năm 2023, tương đương mức tăng trưởng 40.4%. Quá trình tăng vốn này diễn ra theo một lộ trình ổn định và bền vững, với các mốc tăng trưởng quan trọng: năm 2021 đạt 650.000 tỷ đồng, năm 2022 đạt 720.000 tỷ đồng.

Đáng chú ý, việc tăng vốn được thực hiện chủ yếu thông qua hai kênh chính là phát hành cổ phiếu mới (được 15 NHTM thực hiện) và phát hành trái phiếu (12 NHTM

tham gia), cho thấy sự đa dạng trong phương thức huy động vốn của các ngân hàng. Song song với việc tăng quy mô vốn, chất lượng vốn của các ngân hàng cũng được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản đã tăng từ 7.2% năm 2020 lên 8.5% năm 2023, vượt xa mức yêu cầu tối thiểu 6% của Basel III.

Đặc biệt, các ngân hàng hàng đầu đều ghi nhận tỷ lệ an toàn vốn (CAR) ở mức cao, trong đó Vietcombank dẫn đầu với 15.2%, tiếp theo là BIDV (14.5%), Techcombank (14.2%), MB Bank (13.8%) và VPBank (13.5%). Những con số này phản ánh nỗ lực của các ngân hàng trong việc nâng cao năng lực tài chính và khả năng chống chịu rủi ro. Về khía cạnh thanh khoản, các ngân hàng đã thể hiện khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu của Basel III. Tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn (LCR) trung bình đạt 120%, vượt mức yêu cầu tối thiểu 100%. Tương tự, tỷ lệ thanh khoản dài hạn (NSFR) cũng đạt 105%, cao hơn ngưỡng quy định. Đặc biệt, các ngân hàng duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản trên tổng tài sản ở mức 15%, thể hiện chiến lược thận trọng trong quản lý rủi ro thanh khoản.

Những cải thiện trong cơ cấu vốn và thanh khoản này không chỉ giúp các ngân hàng đáp ứng yêu cầu của Basel III mà còn tăng cường đáng kể khả năng chống chịu trước các cú sốc tài chính. Tuy nhiên, việc duy trì các tỷ lệ an toàn cao cũng đặt ra thách thức về cân đối giữa an toàn và hiệu quả hoạt động, đòi hỏi các ngân hàng phải có chiến lược quản trị phù hợp trong thời gian tới.

3.2. Tác động đến hoạt động tín dụng

3.2.1. Thay đổi trong cơ cấu cho vay:

Việc triển khai Basel III đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong cơ cấu cho vay của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2020-2023. Đáng chú ý nhất là sự dịch chuyển mạnh mẽ sang phân khúc cho vay bán lẻ, với tỷ trọng tăng từ 35% lên 60% tổng dư nợ, tương đương mức tăng 25%. Ngược lại, cho vay doanh nghiệp lớn ghi nhận sự sụt giảm 10%, từ 45% xuống còn 35%. Trong khi đó, tỷ trọng cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) duy trì ổn định ở mức 45%. Sự dịch chuyển này xuất phát từ

nhiều yếu tố khách quan. Trước hết, Basel III quy định mức yêu cầu vốn thấp hơn đối với các khoản cho vay bán lẻ do tính chất phân tán rủi ro của danh mục này. Thêm vào đó, cho vay bán lẻ mang lại biên lợi nhuận cao hơn, giúp bù đắp chi phí vốn gia tăng khi thực hiện Basel III. Đặc biệt, việc phân tán rủi ro trong danh mục cho vay bán lẻ cũng góp phần nâng cao chất lượng tài sản của các ngân hàng.

3.2.2. Cải thiện chất lượng tín dụng:

Chất lượng tín dụng của các ngân hàng thương mại đã có những cải thiện đáng kể trong giai đoạn thực hiện Basel III. Tỷ lệ nợ xấu giảm đều qua các năm, từ 1.9% năm 2020 xuống còn 1.8% năm 2021, tiếp tục giảm xuống 1.6% năm 2022 và đạt 1.5% vào năm 2023. Song song với đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng mạnh từ 85% năm 2020 lên 95% năm 2021, đạt 110% năm 2022 và cuối năm 2023 đạt mức 120%. Những con số này phản ánh nỗ lực của các ngân hàng trong việc nâng cao chất lượng tài sản và tăng cường dự phòng rủi ro theo yêu cầu của Basel III.

3.3.3. Tác động đến chi phí tín dụng:

Việc triển khai Basel III đã tác động không nhỏ đến chi phí tín dụng của các ngân hàng thương mại. Biên lãi ròng (NIM) ghi nhận sự sụt giảm từ 0.3% đến 0.5% do chi phí vốn tăng cao. Nguyên nhân chính đến từ việc yêu cầu vốn cao hơn của Basel III đã làm tăng chi phí vốn từ 0.5% đến 0.7%. Để bù đắp chi phí gia tăng này, các ngân hàng buộc phải tăng lãi suất cho vay bình quân thêm 1%. Điều này tạo ra thách thức trong việc cân bằng giữa tuân thủ quy định và duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường.

3.3. Tác động đến quản trị rủi ro

3.3.1. Cải thiện mô hình quản trị:

Việc triển khai Basel III đã thúc đẩy các ngân hàng thương mại Việt Nam cải tiến mạnh mẽ mô hình quản trị rủi ro của mình. Đáng chú ý, 80% ngân hàng đã áp dụng thành công mô hình ba tuyến phòng thủ, một mô hình quản trị tiên tiến được công nhận trên toàn cầu. Song song với đó, 70% ngân hàng đã xây dựng được khung quản trị rủi ro tổng thể, tạo nền tảng vững chắc cho việc

nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro một cách hệ thống. Đặc biệt, 60% ngân hàng đã tiến một bước xa hơn khi áp dụng các mô hình định lượng rủi ro, cho phép đánh giá và dự báo rủi ro một cách khoa học và chính xác hơn.

3.3.2. Đầu tư công nghệ:

Giai đoạn 2020-2023 chứng kiến sự đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin của các ngân hàng với tổng giá trị lên đến 25.000 tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng đầu tư được phân bổ hợp lý với 40% cho hệ thống core banking, 30% cho hệ thống quản trị rủi ro, 20% cho hệ thống báo cáo và 10% cho các hạng mục khác.

Đáng chú ý, 90% ngân hàng đã triển khai thành công hệ thống cảnh báo sớm rủi ro, trong khi 75% ngân hàng đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (ML) trong đánh giá rủi ro. Bên cạnh đó, 65% ngân hàng đã thực hiện tự động hóa quy trình quản trị rủi ro, góp phần nâng cao hiệu quả và độ chính xác trong công tác quản trị.

3.4. Phân tích hiệu quả triển khai Basel III

Việc triển khai Basel III đã tạo ra những tác động đáng kể đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại, thể hiện qua cả chỉ số định lượng và định tính. Về mặt định lượng, ROE trung bình giảm 2% do chi phí vốn tăng, trong khi tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR) tăng từ 3-5%.

Tuy nhiên, điểm tích cực là tỷ lệ an toàn vốn đã được cải thiện đáng kể, tăng từ 15-20%. Về mặt định tính, các ngân hàng đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong việc nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng cường tính minh bạch và cải thiện uy tín quốc tế. Điều này được minh chứng qua các chỉ số hiệu quả cụ thể: ROE giảm từ 15% xuống 13%, CIR tăng từ 45% lên 48%, trong khi CAR tăng từ 9% lên 12%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù việc áp dụng Basel III tạo ra những chi phí đáng kể trong ngắn hạn, nhưng những lợi ích dài hạn về mặt quản trị rủi ro và tính ổn định của hệ thống là không thể phủ nhận. Điều này khẳng định tính đúng đắn trong việc lựa chọn

áp dụng Basel III của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

5. Thách thức và giải pháp

5.1. Thách thức

Quá trình triển khai Basel III tại các ngân hàng thương mại Việt Nam đang phải đối mặt với ba thách thức chính về chi phí triển khai, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ.

Về chi phí triển khai, mỗi ngân hàng phải đầu tư ban đầu từ 200-300 tỷ đồng, một khoản đầu tư đáng kể đối với nhiều tổ chức tín dụng. Không chỉ vậy, chi phí vận hành thường niên dao động từ 30-50 tỷ đồng, cùng với chi phí đào tạo hàng năm từ 10-15 tỷ đồng, tạo áp lực không nhỏ lên ngân sách hoạt động của các ngân hàng.

Về nguồn nhân lực, các ngân hàng đang thiếu hụt nghiêm trọng 30-40% chuyên gia quản trị rủi ro có đủ năng lực triển khai Basel III. Để khắc phục tình trạng này, cần có thời gian từ 3-5 năm để đào tạo đội ngũ nhân sự mới đáp ứng yêu cầu. Đồng thời, chi phí nhân sự dự kiến sẽ tăng 20-25% do nhu cầu cao về nhân lực chất lượng trong lĩnh vực này.

Về hạ tầng công nghệ, khoảng 60% hệ thống hiện tại cần được nâng cấp để đáp ứng yêu cầu của Basel III. Quá trình này dự kiến mất 2-3 năm để hoàn thành, với nhiều thách thức trong việc tích hợp các hệ thống phức tạp.

5.2. Giải pháp

Để vượt qua những thách thức trên, các ngân hàng cần triển khai đồng bộ các giải pháp theo ba giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Trong ngắn hạn (1-2 năm), các ngân hàng cần tập trung vào việc tăng vốn điều lệ để đảm bảo nguồn lực tài chính, đồng thời đẩy mạnh đào tạo đội ngũ nhân sự hiện có và nâng cấp các hệ thống cốt lõi. Những giải pháp này giúp tạo nền tảng ban đầu cho việc triển khai Basel III. Ở giai đoạn trung hạn (2-3 năm), trọng tâm sẽ là xây dựng mô hình quản trị rủi ro toàn diện, thực hiện đầu tư công nghệ thông tin theo lộ trình đã định, và phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu.

Các giải pháp này nhằm củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel III.

Trong dài hạn (3-5 năm), các ngân hàng cần hướng tới việc hoàn thiện hệ sinh thái quản trị rủi ro, đẩy mạnh tự động hóa các quy trình, và tối ưu hóa chi phí vốn. Những giải pháp này giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên đòi hỏi sự quyết tâm cao của ban lãnh đạo ngân hàng, cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban và sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý. Điều này sẽ giúp các ngân hàng vượt qua được những thách thức ban đầu và thu được những lợi ích lâu dài từ việc áp dụng Basel III.

6. Kết luận và khuyến nghị

6.1. Kết luận

Quá trình triển khai Basel III đã tạo ra những tác động sâu rộng và tích cực đến hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy Basel III đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy các ngân hàng cải thiện toàn diện năng lực quản trị rủi ro và tăng cường tính ổn định trong hoạt động.

Về mặt cơ cấu vốn và thanh khoản, các ngân hàng đã có những cải thiện đáng kể với vốn điều lệ toàn hệ thống tăng 40.4% trong giai đoạn 2020-2023. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) và các chỉ số thanh khoản đều vượt yêu cầu tối thiểu của Basel III. Về hoạt động tín dụng, chất lượng tín dụng được nâng cao với tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1.9% xuống 1.5%, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng từ 85% lên 120%.

Tuy nhiên, quá trình triển khai Basel III cũng đặt ra những thách thức không nhỏ về nguồn lực. Các ngân hàng phải đối mặt với chi phí đầu tư ban đầu lớn (200-300 tỷ đồng/ngân hàng), thiếu hụt nhân sự chuyên môn (30-40%), và nhu cầu nâng cấp hạ tầng công nghệ (60% hệ thống cần được nâng cấp).

6.2. Khuyến nghị

Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cần sớm ban hành lộ trình chi tiết

và hướng dẫn cụ thể về việc triển khai Basel III. Điều này bao gồm việc xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh, quy định rõ các mốc thời gian triển khai, và đưa ra các hướng dẫn chi tiết về phương pháp tính toán các chỉ số theo yêu cầu của Basel III. NHNN cũng cần tăng cường công tác giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho các ngân hàng trong quá trình triển khai.

Đối với các ngân hàng thương mại, cần tập trung đầu tư có trọng điểm vào hai lĩnh vực then chốt là công nghệ và nhân sự. Về công nghệ, cần ưu tiên nguồn lực để nâng cấp hệ thống core banking, phát triển hệ thống quản trị rủi ro, và tự động hóa quy trình báo cáo. Về nhân sự, cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn, bao gồm việc đào tạo đội ngũ hiện có và thu hút nhân tài mới.

Đối với các bên liên quan khác như các tổ chức tư vấn, công ty công nghệ và các hiệp hội ngành nghề, cần tăng cường hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm. Điều này có thể thực hiện thông qua việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, xây dựng cộng đồng thực hành, và thiết lập các kênh trao đổi thông tin thường xuyên. Sự hợp tác này sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực và rút ngắn thời gian triển khai Basel III.

Với việc thực hiện đồng bộ các khuyến nghị trên, các ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ có thể vượt qua được những thách thức ban đầu và thu được những lợi ích lâu dài từ việc áp dụng Basel III, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tính bền vững của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Basel Committee on Banking Supervision (2010), "Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking systems", Bank for International Settlements.

- [2] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), "Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài".
- [3] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), "Thông tư số 13/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2016/TT-NHNN".
- [4] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2020-2023), "Báo cáo thường niên", Nhà xuất bản Thống kê.
- [5] Vietcombank, BIDV, Techcombank, MB Bank, VPBank (2020-2023), "Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán".
- [6] Lê Thị Hồng Minh (2022), "Đánh giá tác động của Basel III đến hoạt động ngân hàng thương mại Việt Nam", Tạp chí Ngân hàng, số 15, tr.25-32.
- [7] Trần Văn Nam (2021), "Thực trạng và giải pháp triển khai Basel III tại các ngân hàng thương mại Việt Nam", Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, số 227, tr.1-10.
- [8] Nguyễn Thị Thu Hằng (2023), "Nghiên cứu tác động của Basel III đến cơ cấu vốn các ngân hàng thương mại Việt Nam", Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 185, tr.15-25.
- [9] International Monetary Fund (2022), "Implementation of Basel III - Implications for Emerging Markets and Developing Economies", IMF Working Paper.
- [10] World Bank (2021), "Basel III Implementation: Challenges and Opportunities for Banking Systems in Emerging Markets", World Bank Policy Research Working Paper.
- [11] Moody's Analytics (2023), "Basel III Implementation Progress Report: Vietnam Banking Sector", Industry Report.
- [12] McKinsey & Company (2022), "The Future of Risk Management in the Digital Era: Implications of Basel III for Asian Banks", Banking Practice Publication.

Ngày nhận bài: 19/02/2025

Ngày phản biện: 10/3/2025

Ngày duyệt đăng: 22/3/2025